

Số/No : 5031/2025/PKQ-MT (25.1623)

Ngày/Date: 26/12/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Khách hàng (Client): CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG
- Địa chỉ (Address): Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng
- Ngày thu mẫu (Date of sampling): 8,9,10/12/2025 Loại mẫu (Type of sample): Khí thải
- Số lượng mẫu (Quantity of sample): 03 Ký hiệu mẫu (Sign of sample): KT01, KT02, KT03
- Kết quả thử nghiệm (Results):

TT (No)	Thông số (Test properties)	Phương pháp thử nghiệm (Test methods)	ĐVT (Unit)	Kết quả (Test results)		
				KT01	KT02	KT03
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	US EPA Method 4	°C	25,0	25,9	26,3
2	Áp suất ^(*)	SOP-HT-42/ CNIOSH	mmH ₂ O	17,0	18,0	43,83
3	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	6.341	6.515	7.778
4	Bụi tổng ⁽²⁾	US EPA Method 5	mg/Nm ³	18,6	28,9	25,8
5	NH ₃ ⁽²⁾	JIS K 0099:2020	mg/Nm ³	< 2	< 2	< 2
6	H ₂ S ⁽²⁾	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	< 2	< 2	< 2
7	Benzene ⁽⁴⁾	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	< 0,25	< 0,25	< 0,25
8	Toluen ⁽⁵⁾	PD CEN/TS 13649:2014.	mg/Nm ³	< 0,47	< 0,47	< 0,47
9	Xylen ⁽⁶⁾	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	< 0,42	< 0,42	< 0,42

Ghi chú (Note):

- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- (*): Không quy định trong Quy chuẩn Việt Nam
- (4): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Trạm Quan trắc và Phân tích Môi trường Lao Động - Vimcerts 025
- (5): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FEC - Vimcerts 279
- (6): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Công ty TNHH E.U.C - Vimcerts 261

Vị trí thu mẫu:

- KT01: Xí nghiệp cán luyện - tại ống thải Hệ thống lọc bụi túi 01 (dây chuyền luyện 270 lít 01 – Nhà hỗn luyện)
- KT02: Xí nghiệp cán luyện - tại ống thải Hệ thống lọc bụi túi 02 (dây chuyền luyện 270 lít 02 – Nhà hỗn luyện)
- KT03: Xí nghiệp cán luyện - tại ống thải Hệ thống lọc bụi túi 03 (dây chuyền luyện 370 lít 01 – Nhà hỗn luyện)

TRƯỞNG PHÒNG
(Chief of Technical department)



CN. Trần Thị Kim Anh



PHẦN VIỆN TRƯỞNG
(Director)



PGS.TS. Lê Minh Đức

Số/No : 5032/2025/PKQ-MT (25.1623)

Ngày/Date: 26/12/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Khách hàng (Client): **CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG**
- Địa chỉ (Address): **Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng**
- Ngày thu mẫu (Date of sampling): 8,9,10/12/2025 Loại mẫu (Type of sample): Khí thải
- Số lượng mẫu (Quantity of sample): 03 Ký hiệu mẫu (Sign of sample): KT04, KT05, KT06
- Kết quả thử nghiệm (Results):

TT (No)	Thông số (Test properties)	Phương pháp thử nghiệm (Test methods)	ĐVT (Unit)	Kết quả (Test results)		
				KT04	KT05	KT06
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	US EPA Method 4	°C	26,7	25,6	26,5
2	Áp suất ^(*)	SOP-HT-42/ CNIO SH	mmH ₂ O	46,33	17,87	10,15
3	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	7.992	6.494	4.887
4	Bụi tổng ⁽²⁾	US EPA Method 5	mg/Nm ³	12,5	37,4	12,6
5	NH ₃ ⁽²⁾	JIS K 0099:2020	mg/Nm ³	< 2	< 2	< 2
6	H ₂ S ⁽²⁾	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	< 2	< 2	< 2
7	Benzene ⁽⁴⁾	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	< 0,25	< 0,25	< 0,25
8	Toluen ⁽⁵⁾	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	< 0,47	< 0,47	< 0,47
9	Xylen ⁽⁶⁾	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	< 0,42	< 0,42	< 0,42

Ghi chú (Note):

- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- (*): Không quy định trong Quy chuẩn Việt Nam
- (4): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Trạm Quan trắc và Phân tích Môi trường Lao Động - Vimcerts 025
- (5): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FEC - Vimcerts 279
- (6): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Công ty TNHH E.U.C - Vimcerts 261

Vị trí thu mẫu:

- KT04: Xí nghiệp cán luyện - tại ống thải Hệ thống lọc bụi túi 04 (dây chuyền luyện 370 lít 02 – Nhà hỗn luyện)
- KT05: Xí nghiệp cán luyện - tại ống thải Hệ thống lọc bụi túi 05 (dây chuyền luyện 370 lít 03 – Nhà hỗn luyện mở rộng)
- KT06: Xí nghiệp cán luyện - tại ống thải Hệ thống lọc bụi túi 06 (dây chuyền luyện 370 lít 03 – Nhà hỗn luyện mở rộng)

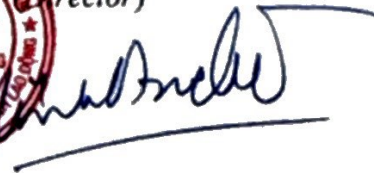
TRƯỞNG PHÒNG
(Chief of Technical department)



CN. Trần Thị Kim Anh



PHẦN VIỆN TRƯỞNG
(Director)



PGS.TS. Lê Minh Đức

Số/No : 5033/2025/PKQ-MT (25.1623)

Ngày/Date: 26/12/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Khách hàng (Client): **CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG**
- Địa chỉ (Address): **Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng**
- Ngày thu mẫu (Date of sampling): 8,9,10/12/2025 Loại mẫu (Type of sample): Khí thải
- Số lượng mẫu (Quantity of sample): 03 Ký hiệu mẫu (Sign of sample): KT07, KT08, KT09
- Kết quả thử nghiệm (Results):

TT (No)	Thông số (Test properties)	Phương pháp thử nghiệm (Test methods)	ĐVT (Unit)	Kết quả (Test results)		
				KT07	KT08	KT09
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	US EPA Method 4	°C	30,8	30,8	30,8
2	Áp suất ^(*)	SOP-HT-42/ CNIOSH	mmH ₂ O	27,9	1,20	17,87
3	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	6.162	1.669	8.093
4	Bụi tổng ⁽²⁾	US EPA Method 5	mg/Nm ³	45,6	33,3	12,6

Ghi chú (Note):

- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- (^{*}): Không quy định trong Quy chuẩn Việt Nam

Vị trí thu mẫu:

- KT07: Xí nghiệp sẫm lớp XĐXM - Ống khí thải sau xử lý của Hệ thống lọc bụi túi vải 01 (công đoạn Ép đùn, cắt nối sẫm xe đạp xe máy)
- KT08: Xí nghiệp sẫm lớp XĐXM - Ống khí thải sau xử lý của Hệ thống lọc bụi túi vải 02 (Công đoạn mài chân van)
- KT09: Xí nghiệp đắp lớp - Ống thải (số 1) sau hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm số 1

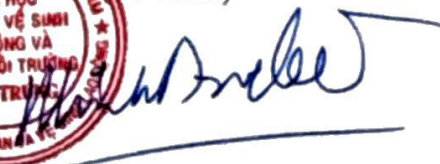
TRƯỞNG PHÒNG
(Chief of Technical department)



CN. Trần Thị Kim Anh



PHẦN VIỆN TRƯỞNG
(Director)



PGS.TS. Lê Minh Đức

Số/No : 5034/2025/PKQ-MT (25.1623)

Ngày/Date: 26/12/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Khách hàng (Client): CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG
- Địa chỉ (Address): Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng
- Ngày thu mẫu (Date of sampling): 8,9,10/12/2025 Loại mẫu (Type of sample): Khí thải
- Số lượng mẫu (Quantity of sample): 03 Ký hiệu mẫu (Sign of sample): KT10, KT11, KT12
- Kết quả thử nghiệm (Results):

TT (No)	Thông số (Test properties)	Phương pháp thử nghiệm (Test methods)	ĐVT (Unit)	Kết quả (Test results)		
				KT10	KT11	KT12
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	US EPA Method 4	°C	36,0	36,0	34,0
2	Áp suất ^(*)	SOP-HT-42/ CNIOSH	mmH ₂ O	15,9	23,05	58,0
3	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	7.622	7.228	6.491
4	Bụi tổng ⁽²⁾	US EPA Method 5	mg/Nm ³	37,6	31,7	25,5

Ghi chú (Note):

- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- (*) : Không quy định trong Quy chuẩn Việt Nam

Vị trí thu mẫu:

- KT10: Xí nghiệp đập lốp - Ống thải (số 1) sau hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm số 2
- KT11: Xí nghiệp đập lốp - Ống thải (số 3) sau hệ thống lọc bụi túi vải 01
- KT12: Xí nghiệp đập lốp - Ống thải (số 4) sau hệ thống Cyclone đơn - Lọc bụi túi vải 02

TRƯỞNG PHÒNG
(Chief of Technical department)



CN. Trần Thị Kim Anh



PHẦN VIỆN TRƯỞNG
(Director)

PGS.TS. Lê Minh Đức

Số/No : 5035/2025/PKQ-MT (25.1623)

Ngày/Date: 26/12/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Khách hàng (Client): CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG
- Địa chỉ (Address): Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng
- Ngày thu mẫu (Date of sampling): 8,9,10/12/2025 Loại mẫu (Type of sample): Khí thải
- Số lượng mẫu (Quantity of sample): 01 Ký hiệu mẫu (Sign of sample): KT13
- Kết quả thử nghiệm (Results):

TT (No)	Thông số (Test properties)	Phương pháp thử nghiệm (Test methods)	ĐVT (Unit)	Kết quả (Test results)
				KT13
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	US EPA Method 4	°C	36,0
2	Áp suất ^(*)	SOP-HT-42/ CNIOSH	mmH ₂ O	22,0
3	Lưu lượng ^(*)	US EPA Method 2	Nm ³ /h	7.084
4	Bụi tổng ⁽²⁾	US EPA Method 5	mg/Nm ³	42,4

Ghi chú (Note):

- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
 - Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
 - (^{*}): Không quy định trong Quy chuẩn Việt Nam
- Vị trí thu mẫu:
- KT13: Xí nghiệp đắp lốp - Ống thải (số 5) sau hệ thống lọc bụi túi vải 03

TRƯỞNG PHÒNG
(Chief of Technical department)



CN. Trần Thị Kim Anh

PHẦN VIỆN TRƯỞNG
(Director)



PGS.TS. Lê Minh Đức

Số/No : 5036/2025/PKQ-MT (25.1623)

Ngày/Date: 26/12/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Khách hàng (Client): **CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG**
- Địa chỉ (Address): **Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng**
- Ngày thu mẫu (Date of sampling): 8,9,10/12/2025 Loại mẫu (Type of sample): Không khí xung quanh
- Số lượng mẫu (Quantity of sample): 02 Ký hiệu mẫu (Sign of sample): K1, K2
- Kết quả thử nghiệm (Results):

TT (No)	Thông số (Test properties)	Phương pháp thử nghiệm (Test methods)	ĐVT (Unit)	Kết quả (Test results)	
				K1	K2
1	Nhiệt độ ⁽²⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	27,1	27,2
2	Độ ẩm ⁽²⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	%	75,0	74,0
3	Tốc độ gió ⁽²⁾	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,42	0,28
4	Tiếng ồn ^(1,2)	TCVN 7878-2-2018	dBA	58,1	56,2
5	SO ₂ ⁽²⁾	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	213	217
6	CO ⁽²⁾	SOP-PT-13/CNIOSH	µg/Nm ³	< 9.200	< 9.200
7	NO ₂ ⁽²⁾	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	142	160
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽²⁾	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	166	181

Ghi chú (Note):

- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
 - Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- Vị trí thu mẫu:
- K1: Đường số 3 (Khu CN Liên Chiểu)
 - K2: Đường số 7 (Khu CN Liên Chiểu)

TRƯỞNG PHÒNG
(Chief of Technical department)



CN. Trần Thị Kim Anh



PHẦN VIỆN TRƯỞNG
(Director)



PGS.TS. Lê Minh Đức